

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo tài chính	1-3
Phiếu cân đối nội bộ	4
Báo cáo tài chính chi tiết	5-24

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN
HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

(Nay là Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 29
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 23.825.739.695 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông và tin học.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 19 tháng 01 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 29).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301097524 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 19 tháng 01 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Số: 12.../2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MTV THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 19 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 19 tháng 01 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 19 tháng 01 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2016

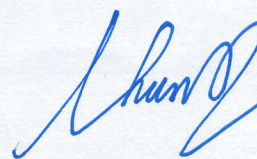
**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên



Cao Văn Thành

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3420-2015-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 19 tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	19/01/2016	01/01/2015
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.638.449.179	44.982.446.890
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.959.028.369	788.381.819
1.	Tiền	111	V.01	16.959.028.369	788.381.819
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.608.140.366	22.821.753.133
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	16.809.088.554	21.297.633.854
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		106.040.000	35.020.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.693.011.812	1.489.099.279
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		13.876.170.139	21.168.050.952
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	13.876.170.139	21.168.050.952
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		195.110.305	204.260.986
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	195.110.305	204.260.986
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	19/01/2016	01/01/2015
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.299.758.417	502.330.736.430
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	22.900.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	20.000.000	22.900.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		14.037.506.829	497.817.637.831
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	13.988.506.829	497.759.450.331
	- Nguyên giá	222		30.500.205.145	617.985.751.027
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.511.698.316)	(120.226.300.696)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	49.000.000	58.187.500
	- Nguyên giá	228		73.500.000	73.500.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(24.500.000)	(15.312.500)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.05	247.690.636	238.340.636
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		247.690.636	238.340.636
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		7.994.560.952	4.251.857.963
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.994.560.952	4.251.857.963
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		72.938.207.596	547.313.183.320

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	19/01/2016	01/01/2015
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		42.198.201.653	32.241.969.367
I.	Nợ ngắn hạn	310		42.198.201.653	32.222.004.367
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.137.819.253	2.962.905.663
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.643.335.215	1.985.767.887
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4.212.893.602	3.353.722.869
4.	Phải trả người lao động	314		11.641.527.568	10.436.288.744
5.	Chi phí phải trả		V.12	93.170.949	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.555.541.825	4.835.650.544
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.546.608.826	7.180.103.092
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	7.816.380.520	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.550.923.895	1.467.565.568
II.	Nợ dài hạn	330		-	19.965.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.13	-	19.965.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.740.005.943	515.071.213.953
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	30.740.005.943	28.652.163.124
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.104.407.812	23.590.960.221
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.15	8.400.818.657	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		234.779.474	1.225.655.383
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	3.835.547.520
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	3.835.547.520
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	486.419.050.829
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	V.16	-	486.419.050.829
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		72.938.207.596	547.313.183.320

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2016
 Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2015

Đơn vị tính: VND

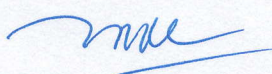
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	105.752.763.920
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.752.763.920
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	88.553.259.881
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.199.504.039
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	96.071.781
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	192.991.056
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		192.991.056
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	11.813.389.180
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.289.195.584
11.	Thu nhập khác	31		-
12.	Chi phí khác	32		-
13.	Lợi nhuận khác	40		-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.289.195.584
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	1.159.969.922
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.129.225.662

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

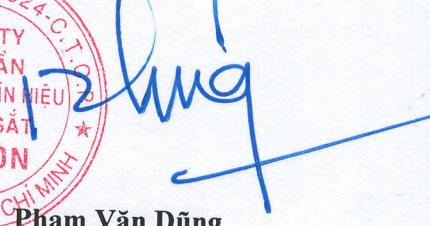
Kế toán trưởng

Giám đốc









Ngô Thị Loan

Đỗ Đức Toàn

Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016

Đơn vị tính: VND


STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		119.831.279.354
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.555.936.782)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(46.307.486.949)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(192.991.056)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.079.404.211)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.822.466.830
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.259.732.937)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.258.194.249
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.071.781
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		96.071.781

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		15.020.885.067
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.204.504.547)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.816.380.520
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16.170.646.550
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		788.381.819
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.959.028.369

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toan

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty trách nhiệm hữu hạn.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông và tin học.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 19 tháng 01 năm 2016 so sánh được với số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301097524 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 37 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Phần mềm máy tính	08 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
- Tiền mặt	262.755.891	276.646.878
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.696.272.478	511.734.941
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>16.959.028.369</u>	<u>788.381.819</u>

02. Phải thu của khách hàng

	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>16.809.088.554</u>	<u>21.297.633.854</u>
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	4.554.885.763	11.438.898.917
- Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội	-	2.728.886.400
- Công ty hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	3.970.248.955	744.831.912
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 3	3.086.201.906	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.197.751.930	6.385.016.625
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>16.809.088.554</u>	<u>21.297.633.854</u>

c. Các bên liên quan

	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>6.454.553.617</u>	<u>12.125.041.892</u>
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	4.554.885.763	11.438.898.917
- Công ty Quản lý đường sắt Sài Gòn	896.737.786	686.142.975
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng	158.675.000	-
- Công ty cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	844.255.068	-
Cộng	<u>6.454.553.617</u>	<u>12.125.041.892</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	19/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.693.011.812	-	1.489.099.279	-
- Phải thu của người lao động	-	-	-	-
- Tạm ứng	653.199.071	-	650.526.810	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	799.036.821	-
- Phải thu khác	2.039.812.741	-	39.535.648	-
+ Công ty hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	125.276.714	-	-	-
+ Các khoản bảo lãnh	1.460.065.368	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	454.470.659	-	39.535.648	-
b) Dài hạn	20.000.000	-	22.900.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	-	22.900.000	-
Cộng	2.713.011.812	-	1.511.999.279	-

04. Hàng tồn kho

	19/01/2016		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.035.689.001	-	869.554.957	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.840.481.138	-	20.298.495.995	-
Cộng	13.876.170.139	-	21.168.050.952	-

05. Tài sản dở dang dài hạn

	19/01/2016	01/01/2015
Xây dựng cơ bản dở dang	247.690.636	238.340.636
+ Chi phí tư vấn lập quy hoạch khu đất Hiệp Bình Phước	247.690.636	238.340.636
Cộng	247.690.636	238.340.636

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐHH khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	34.677.568.437	575.413.333.441	7.106.940.218	552.313.300	235.595.631	617.985.751.027
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do nhà nước giao	-	6.261.433.857	-	-	-	6.261.433.857
- Tăng do đánh giá lại tài sản	5.813.007.055	-	3.289.902.017	-	-	9.102.909.072
- Phân loại lại tài sản cố định	-	747.990.931	-	(512.395.300)	(235.595.631)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(816.801.770)	-	-	-	(816.801.770)
- Chuyển trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	(24.630.074.961)	(576.459.114.135)	(943.897.945)	-	-	(602.033.087.041)
Số dư cuối kỳ	15.860.500.531	5.146.842.324	9.452.944.290	39.918.000	-	30.500.205.145
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.081.832.361	108.543.294.604	4.829.232.000	536.346.100	235.595.631	120.226.300.696
- Khấu hao tài sản của Công ty trong kỳ	324.620.368	333.597.400	383.355.141	8.937.550	-	1.050.510.459
- Khấu hao tài sản do nhà nước giao	2.070.885.723	57.017.972.031	104.877.549	-	-	59.193.735.303
- Tăng do đánh giá lại	3.120.196.923	-	1.528.269.518	-	-	4.648.466.441
- Phân loại lại tài sản cố định	-	747.990.931	-	(512.395.300)	(235.595.631)	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(816.801.770)	-	-	-	(816.801.770)
- Chuyển trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	(4.505.551.061)	(162.344.479.090)	(209.755.098)	-	-	(167.059.785.249)
- Giảm do đánh giá lại	-	(717.215.321)	-	(13.512.243)	-	(730.727.564)
Số dư cuối kỳ	7.091.984.314	2.764.358.785	6.635.979.110	19.376.107	-	16.511.698.316
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	28.595.736.076	466.870.038.837	2.277.708.218	15.967.200	-	497.759.450.331
2. Tại ngày cuối kỳ	8.768.516.217	2.382.483.539	2.816.965.180	20.541.893	-	13.988.506.829

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 5.527.372.398 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	73.500.000	73.500.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	73.500.000	73.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	15.312.500	15.312.500
- Khấu hao trong kỳ	9.187.500	9.187.500
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	24.500.000	24.500.000
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu kỳ	58.187.500	58.187.500
2. Tại ngày cuối kỳ	49.000.000	49.000.000

08. Chi phí trả trước

	19/01/2016	01/01/2015
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	7.994.560.952	4.251.857.963
- Chi phí sử dụng đất dài hạn	4.105.189.960	4.214.277.002
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	37.580.961
- Chi phí sửa chữa lớn	673.722.652	-
- Công cụ dụng cụ được đánh giá lại	1.046.076.932	-
- Lợi thế kinh doanh	2.169.571.408	-
Cộng	7.994.560.952	4.251.857.963

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2015		Trong kỳ		19/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-	-	15.020.885.067	7.204.504.547	7.816.380.520	7.816.380.520
- Vay ngân hàng	-	-	15.020.885.067	7.204.504.547	7.816.380.520	7.816.380.520
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*)	-	-	15.020.885.067	7.204.504.547	7.816.380.520	7.816.380.520
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	15.020.885.067	7.204.504.547	7.816.380.520	7.816.380.520

Thông tin chi tiết về khoản vay:

(*) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1608-LAV-201500 ngày 04 tháng 12 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn kinh doanh và phát hành thư bảo lãnh. Thời hạn cho vay không quá 03 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản của bên thứ ba (thửa đất số 108, tờ bản đồ số 69 phường An Phú, quận 2, tp Hồ Chí Minh) theo hợp đồng thế chấp số 1608-LCP-201500167 ngày 04 tháng 12 năm 2015.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	19/01/2016		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	5.137.819.253	5.137.819.253	2.962.905.663	2.962.905.663
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại Hà Nội	-	-	496.996.500	496.996.500
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật - Điện - Điện tử - Viễn thông Hùng Hương	355.882.146	355.882.146	1.418.444.577	1.418.444.577
- Công ty Cổ phần xây lắp và dịch vụ Bưu điện Khánh Hòa	659.241.000	659.241.000	160.380.000	160.380.000
- Công ty Cổ phần Persi Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Tín hiệu COMSIG	2.336.936.198	2.336.936.198	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.785.759.909	1.785.759.909	887.084.586	887.084.586
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.137.819.253	5.137.819.253	2.962.905.663	2.962.905.663
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	-	-	-	-
- Xí nghiệp Thiết bị TTTT Điện - Công ty CP Viễn thông tín hiệu Đường sắt	-	-	-	-
- Công ty TNHH đường sắt Đà Nẵng	-	-	165.111.928	165.111.928
Cộng	-	-	165.111.928	165.111.928

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.794.828.698	6.883.838.096	6.140.544.974	-	3.538.121.820
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	547.590.633	1.159.969.922	1.079.404.211	-	628.156.344
- Thuế thu nhập cá nhân	204.260.986	-	326.220.247	76.443.488	-	45.515.773
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.099.665	-	-	1.099.665
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.303.538	393.171.075	599.584.918	195.110.305	-
Cộng	204.260.986	3.353.722.869	8.764.299.005	7.895.977.591	195.110.305	4.212.893.602

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí phải trả

	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
a) Ngắn hạn	93.170.949	-
- Chi phí phải trả khác	93.170.949	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	<u>93.170.949</u>	<u>-</u>

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
a) <i>Ngắn hạn</i>	5.546.608.826	7.180.103.092
- Kinh phí công đoàn	200.292.327	120.514.767
- Bảo hiểm xã hội	-	442.628.701
- Phải trả về cổ phần hóa	3.688.096.546	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.965.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.638.254.953	6.616.959.624
+ Trung tâm Sóng Thần	-	335.570.710
+ Trung tâm Phan Thiết	-	1.567.979.352
+ Trung tâm Tháp Chàm	228.899.144	1.464.500.050
+ Trung tâm Nha Trang	-	2.090.989.029
+ Trung tâm Tuy Hòa	-	530.885.089
+ Xí nghiệp Sài Gòn	-	607.001.300
+ Phải trả lao động dôi dư khi cổ phần hóa	1.385.125.235	-
+ Các đối tượng khác	24.230.574	20.034.094
b) <i>Dài hạn</i>	-	19.965.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	19.965.000
Cộng	<u>5.546.608.826</u>	<u>7.180.103.092</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	23.590.960.221	-	1.225.655.383	3.835.547.520	28.652.163.124
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	4.129.225.662	4.129.225.662
Tăng khác	-	8.400.818.657	-	-	8.400.818.657
Giảm vốn trong kỳ	(1.486.552.409)	-	(990.875.909)	-	(2.477.428.318)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(7.964.773.182)	(7.964.773.182)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	22.104.407.812	8.400.818.657	234.779.474	-	30.740.005.943

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	22.104.407.812	100%	23.590.960.221	100%
Vốn góp của các cổ đông khác	-	0%	-	0%
Cộng	22.104.407.812	100%	23.590.960.221	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	23.590.960.221
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	1.486.552.409
+ Vốn góp cuối kỳ	22.104.407.812
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

f. Các quỹ của Công ty

	19/01/2016	01/01/2015
- Quỹ đầu tư phát triển	234.779.474	1.225.655.383
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	234.779.474	1.225.655.383

15. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

	19/01/2016	01/01/2015
Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa	8.400.818.657	-
Cộng	8.400.818.657	-

16. Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định

Chi tiết tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí :

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số dư đầu kỳ	591.850.435.437	105.431.384.608	486.419.050.829
Tăng trong kỳ	6.261.433.857	59.193.735.303	6.261.433.857
Giảm trong kỳ	598.111.869.294	164.625.119.911	492.680.484.686
Số dư cuối kỳ	-	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Doanh thu hoạt động công ích	64.591.685.455
- Doanh thu hoạt động khác	41.161.078.465
Cộng	105.752.763.920

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
Doanh thu đối với các bên liên quan	78.529.043.677
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	75.567.028.849
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Sài Gòn	446.204.828
Công ty Cổ phần Viên thông Tín hiệu Đường sắt	1.302.554.545
Xí nghiệp đầu máy Sài Gòn	39.435.455
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng	1.173.310.909
Ban Quản lý dự án Đường Sắt khu vực 3	509.091

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Giá vốn của dịch vụ công ích	51.388.517.337
- Giá vốn của dịch vụ khác	37.164.742.544
Cộng	88.553.259.881

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	96.071.781
Cộng	96.071.781

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Lãi tiền vay	192.991.056
Cộng	192.991.056

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.813.389.180
- Chi phí nhân viên quản lý	6.119.118.801
- Chi phí vật liệu quản lý	516.763.452
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	50.536.866
- Thuế, phí và lệ phí	1.502.190.995
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.658.460
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.470.120.606
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-
Cộng	11.813.389.180

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.159.969.922
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.159.969.922

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2016 đến 19/01/2016	Tổng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.106.540.302	182.655.282	5.289.195.584
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	5.106.540.302	182.655.282	5.289.195.584
Thuế suất thuế TNDN	22%	20%	
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.123.438.866	36.531.056	1.159.969.922

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.572.900.864
- Chi phí nhân công	46.895.039.224
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.059.697.959
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.174.275.727
- Chi phí khác bằng tiền	9.206.720.430
Cộng	91.908.634.204

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
Giảm vốn do trả tài sản cố định cho chủ sở hữu Cộng	1.486.552.409 <u>1.486.552.409</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp Cộng	1.869.028.089 <u>1.869.028.089</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Sài Gòn	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Phú Khánh	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Xí nghiệp thiết bị Thông tin tín hiệu điện – Công ty CP Viễn thông tín hiệu Đường sắt Ga Sài Gòn	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải hành khách Đường sắt Sài Gòn	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh	Công ty thành viên của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng	Công ty thành viên của Công ty mẹ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 19/01/2016	
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam		
Chi phí quản lý nộp cấp trên		1.162.247.334
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Vinh		
- Mua hàng hóa vật tư		265.590.000
Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu Đường sắt		
- Mua hàng hóa vật tư		488.031.189
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02 và V.10, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>19/01/2016</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty Quản lý đường sắt Phú Khánh		
+ Người mua trả tiền trước	39.572.000	39.572.000
Công ty CP Viễn thông tín hiệu điện đường sắt		
+ Người mua trả tiền trước	-	205.954.825
Công ty Vận tải hành khách Sài Gòn		
+ Người mua trả tiền trước	354.872.413	244.341.062
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
+ Phải trả nội bộ	2.555.541.825	4.835.650.544
Cộng nợ phải trả	<u>2.555.541.825</u>	<u>5.325.518.431</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

02. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Kỳ kế từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 19 tháng 01 năm 2016 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301097524 đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 19 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 19 tháng 01 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**03. Thông tin so sánh**

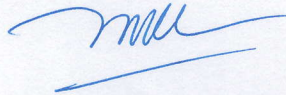
Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC kỳ kế toán từ 01/01/2015 – 19/01/2016	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	650.526.810	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Ký quỹ ký cược ngắn hạn	799.036.821	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
3	Ký quỹ ký cược dài hạn	22.900.000	Tài sản dài hạn khác	268	Phải thu dài hạn khác	216

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Giám đốc


Phạm Văn Dũng